TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13-HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2026/DS-ST
Ngày: 27/8/2026
"*v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông An Đăng Sáng và bà Vũ Thị Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Khương Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần (*viết tắt TMCP*) Việt Nam T (V); địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Chiêu M - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân 3 - Khối thu hồi và Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP V. Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Nguyễn Quốc B - Chức vụ: Trưởng Bộ phận xử lý nợ; ông Vũ Xuân H và bà Nguyễn Thị M1 - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. (*Theo Văn bản ủy quyền số 486/2026/UQ-KHCN ngày 18/6/2026*). (*Ông B, ông H đều vắng mặt, bà M1 có mặt*).

2. *Bị đơn*: Bà Hà Thị A, sinh ngày 04/5/1985, số CCCD: 030185006742; địa chỉ thường trú: Thôn A (nay là thôn X), xã V, thành phố Hải Phòng. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2026, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP V (V) và bà Hà Thị A đã ký kết các hợp đồng vay vốn và mở thẻ tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ với số tiền cho vay là 769.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho bên vay, mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu Ford, Territory TiTaNium X, 1.5L, động cơ xăng, AT sản xuất mới 100%; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13%/năm, cố định trong thời hạn 12 tháng, hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/1 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.6%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 02/03/2023, Ngân hàng V đã giải ngân cho bà Hà Thị A theo giấy đề nghị giải ngân ngày 02/03/2023 số tiền 769.000.000 đồng đến tài khoản thụ hưởng là Công ty TNHH Đ, số tài khoản: 958886888 mở tại Ngân hàng V. Tài khoản thu nợ: 38889996789 tại Ngân hàng V. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hà Thị A đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền là 513.591.099 đồng, trong đó nợ gốc: 264.363.000 đồng; nợ lãi: 249.228.099 đồng. Tạm tính đến ngày 27/08/2026, dư nợ của bà Hà Thị A tại Ngân hàng V đối với khoản tín dụng này là: Nợ gốc: 504.637.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 8.686.382 đồng; nợ lãi quá hạn: 84.787.311 đồng; tổng cộng: 598.110.694 đồng.

- Hợp đồng thứ 2: Hợp đồng cho vay online, mã hợp đồng trên Kênh V số LD2331300851 ngày 09/11/2023 với số tiền cho vay là 48.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 36 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và mua bảo hiểm sinh mạng người vay tín dụng; vay online, kí chữ kí số và giải ngân online trên ứng dụng V theo quy định của ngân hàng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 27%/năm; mức lãi suất cho vay trong hạn được cố định đến ngày 01/4/2024, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 19%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngân hàng V đã thực hiện giải ngân vào tài khoản số 38889996789 mở tại Ngân hàng V của bà Hà Thị A số tiền 48.000.000 đồng vào ngày 09/11/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hà Thị A đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền là 49.322.879 đồng, trong đó nợ gốc: 29.058.291 đồng; nợ lãi: 20.264.588 đồng. Tạm tính đến ngày 27/08/2026, dư nợ của bà Hà Thị A tại Ngân hàng V đối với khoản tín dụng này là: nợ gốc: 18.941.709 đồng; nợ lãi

trong hạn: 899.166 đồng; nợ lãi quá hạn: 5.419.638 đồng; Tổng cộng: 25.260.513 đồng.

- Hợp đồng thứ 3: Hợp đồng cho vay online, mã hợp đồng trên Kênh V số LD2421501572 ngày 02/8/2024 với số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 35 tháng, mục đích sử dụng vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống; vay online, kí chữ kí số và giải ngân online trên ứng dụng V theo quy định của ngân hàng; lãi suất cho vay trong hạn là 24%/năm, mức lãi suất cho vay được cố định đến ngày 01/01/2025, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất cơ sở VNĐ của bên ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 16%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngân hàng V đã thực hiện giải ngân vào tài khoản số 38889996789 mở tại Ngân hàng V của bà Hà Thị A số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 02/8/2024. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hà Thị A đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền là 64.985.436 đồng, trong đó nợ gốc: 36.957.140 đồng; nợ lãi: 28.028.296 đồng. Tạm tính đến ngày 27/08/2026, dư nợ của bà Hà Thị A tại Ngân hàng V đối với khoản tín dụng này là: nợ gốc: 63.042.860 đồng; nợ lãi trong hạn: 1.774.054 đồng; nợ lãi quá hạn: 16.211.428 đồng; Tổng cộng: 81.028.343 đồng.

- Hợp đồng thứ 4: Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 22/12/2022, loại thẻ: Super S, hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng; mục đích cấp tín dụng: phục vụ nhu cầu đời sống; lãi suất đối với loại thẻ tín dụng này là 3.29%/1 tháng; lãi suất thay đổi: 3,99%/tháng + chênh lệch biên độ 0,70% (áp dụng theo quy định về Biểu lãi suất sửa đổi, bổ sung điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân dựa trên đánh giá hành vi rủi ro của chủ thẻ số 94-2024-BGA-TGĐ). Tạm tính đến ngày 27/08/2026, dư nợ của bà Hà Thị A tại V đối với khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng này là: nợ gốc: 20.610.283 đồng; Nợ lãi: 20.682.603 đồng; phí chậm trả: 996.000 đồng; tổng: 42.288.886 đồng.

Theo điểm b khoản 3 điều 6 phần D điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng không tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân của Ngân hàng V được niêm yết công khai trên website, phí phạt chậm trả áp dụng từ thời điểm khách hàng quá hạn chậm trả, dựa trên thời gian chậm trả và dư nợ chậm trả của thẻ và được áp dụng dựa trên quy định của ngân hàng từng thời kì trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Phần phí phạt chậm trả 996.000 đồng bao gồm phí phạt chậm trả của các kì tháng 12/2025 và các tháng 1,2,3 năm 2026, mỗi tháng 249.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện ban đầu nộp ngày 11/03/2026, Ngân hàng có cung cấp thông tin về giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử

dụng vốn, giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử của bà Hà Thị A kí ngày 01/03/2023 với hạn mức đề nghị 22.500.000 đồng. Tuy nhiên đề nghị cấp hạn mức thẻ tín dụng này không được Ngân hàng V phê duyệt do trước đó bà A đã mở thẻ tín dụng vào ngày 22/12/2022 nêu trên.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản vay này, bà Hà Thị A đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của bà A tại Ngân hàng V theo Hợp đồng thế chấp số LN2302248455238 ngày 28/02/2023. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Ford, Territory TiTaNium X, 1.5L, động cơ xăng, AT sản xuất mới 100%, BKS 34A-637.82, số khung: RL05DYD7MPKR41230, số máy: NCG112383; giấy chứng nhận đăng ký xe số 34000639 do Công an huyện N, tỉnh Hải Dương (cũ) cấp ngày 28/02/2023 mang tên Hà Thị Anh .

Do bà Hà Thị A vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238, số LD2421501572, số LD2331300851 bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 05/01/2026; khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng bị quá hạn từ ngày 10/01/2026. Ngân hàng V đã nhiều lần đôn đốc và tạo điều kiện cho bà A trả nợ nhưng bà A không trả. Vì vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc bà Hà Thị A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền còn nợ theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024 tính đến ngày 27/8/2026, tổng số tiền là **704.399.548** đồng (*trong đó nợ gốc: 586.621.569 đồng; nợ lãi trong hạn: 11.359.602 đồng, nợ lãi quá hạn: 106.418.377 đồng*) và số tiền còn nợ đối với khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng tính đến ngày 27/8/2026 là **42.288.886** đồng (*trong đó nợ gốc: 20.610.283 đồng, nợ lãi: 20.682.603 đồng, phí phạt: 996.000 đồng*).

2. Buộc bà Hà Thị A phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay cho đến ngày bà Hà Thị A thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

3. Trường hợp bà Hà Thị A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Tòa án phát mại tài sản thế chấp của các khoản vay nêu trên theo Hợp đồng thế chấp LN2302248455238 ngày 01/03/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ bảo đảm cho nghĩa vụ của khoản vay, thì bà Hà Thị A vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

5. Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Hà Thị A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

6. Bà Hà Thị A phải chịu án phí và các chi phí liên quan.

Trong đơn khởi kiện ban đầu nộp ngày 11/03/2026, Ngân hàng V yêu cầu bà Hà Thị A thanh toán toàn bộ dư nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi và phí phạt cộng gộp của khoản vay và nợ gốc, nợ lãi, phí phạt của thẻ tín dụng. Hiện nay, Ngân hàng V xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu thanh toán tiền phí phạt của 3 khoản vay theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238, số LD2331300851 và số LD2421501572.

Đối với ông Vũ Văn C là chồng của bà Hà Thị A: Ông C và bà A đăng ký kết hôn ngày 09/07/2024. Khoản vay online số LD2421501572 ngày 02/08/2024 số tiền 100.000.000 đồng được xác định là khoản vay riêng của bà Hà Thị A, không liên quan đến ông Vũ Văn C; đề nghị vay vốn không có chữ kí và xác nhận của ông Vũ Văn C, số tiền được giải ngân vào tài khoản cá nhân của bà Hà Thị A; Ngân hàng cũng không có tài liệu nào chứng minh bà Hà Thị A sử dụng tiền vay vào mục đích chung của vợ chồng; các khoản vay còn lại phát sinh trước thời điểm bà Hà Thị A kết hôn với ông C. Do vậy Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà Hà Thị A có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, không yêu cầu ông C phải trả nợ cùng với bà A.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Hà Thị A đến làm việc nhưng bà Hà Thị A đều vắng mặt.

Kết quả xác minh tại Công an xã V, thành phố Hải Phòng thể hiện: Công dân Hà Thị A, sinh ngày 04/5/1985, số CCCD: 030185006742, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm I, thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng. Hiện nay bà Hà Thị A sinh sống ở đâu, làm gì thì Công an xã không nắm được.

Bà Hà Thị T (*là mẹ đẻ bà Hà Thị A*) trình bày: Trước đây, bà Hà Thị A sinh sống cùng gia đình bà và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng. Hiện nay bà A đang đi làm ăn xa, bà không biết địa chỉ hiện nay của bà Hà Thị A ở đâu nên không cung cấp cho Tòa án được. Bà A đã biết việc Ngân hàng V có đơn khởi kiện. Bà A có trao đổi với bà là sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng V nhưng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bà A đi làm để trả nợ. Bà Hà Thị A kết hôn với ông Vũ Văn C từ khoảng năm 2024. Khoản tiền bà Hà Thị A vay Ngân hàng là khoản vay riêng của bà A, trước thời điểm kết hôn với ông C.

Kết quả xác minh tại UBND xã G, thành phố Hải Phòng thể hiện: Bà Hà Thị A và ông Vũ Văn C, sinh ngày 28/6/1997, nơi cư trú: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 09/7/2024 tại UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là xã G, thành phố Hải Phòng).

Tòa án đã ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, Territory TiTaNium X, 1.5L, động cơ xăng, AT sản xuất mới 100%, BKS 34A-637.82, số khung: RL05DYD7MPKR41230, số máy: NCG112383; giấy chứng nhận đăng ký xe số 34000639 do Công an huyện N, tỉnh Hải Dương (*cũ*) cấp ngày 28/02/2023 mang tên Hà Thị Anh . Tuy nhiên, bà Hà Thị A vắng mặt và không di chuyển xe ô tô đến địa điểm tiến hành

xem xét thẩm định tài sản, do vậy Tòa án không thể tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với chiếc xe ô tô nêu trên được.

Tại phiên tòa:

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*: Ngân hàng tự nguyện xin rút các yêu cầu khởi kiện là: Buộc bà Hà Thị A phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả của 03 khoản vay theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024 và rút yêu cầu trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Hà Thị A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ. Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại, Ngân hàng vẫn giữ nguyên như trong đơn khởi kiện và bản tự khai đã nộp cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn về việc:

- Buộc bị đơn bà Hà Thị A phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả đối với 03 khoản vay theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Hà Thị A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

2. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Buộc bà Hà Thị A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền còn nợ theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024 tính đến ngày 27/8/2026, tổng số tiền là 704.399.548 đồng (*trong đó nợ gốc: 586.621.569 đồng; nợ lãi trong hạn: 11.359.602 đồng, nợ lãi quá hạn: 106.418.377 đồng*) và số tiền còn nợ đối với khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng tính đến ngày 27/8/2026 là 42.288.886 đồng (trong đó nợ gốc: 20.610.283 đồng, nợ lãi: 20.682.603 đồng, phí phạt chậm trả: 996.000 đồng).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hà Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bà Hà Thị A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu tại mục 1 của Quyết định này thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2302248455238 ngày 28/02/2023 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, Territory T X, 1.5L, động cơ xăng, AT sản xuất mới 100%, biển kiểm soát 34A-637.82, số khung RL05DYD7MPKR41230, số máy NCG112383; Giấy chứng nhận đăng ký xe số 34000639 do Công an huyện N, tỉnh Hải Dương cấp ngày 28/02/2023 mang tên Hà Thị Anh .

2.4. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để trả khoản nợ thì bà Hà Thị A phải tiếp tục trả khoản tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bà Hà Thị Anh .

3. Về án phí và chi phí tố tụng: Bà Hà Thị A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

[1.1.1] Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị A thanh toán khoản nợ phát sinh từ các Hợp đồng cho vay, khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản*".

[1.1.2] Theo hợp đồng cho vay và hợp đồng thế chấp, địa chỉ cư trú của bà Hà Thị A là tại xóm I, thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là thôn A, xã V, thành phố Hải Phòng). Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã V và được cung cấp thông tin bà Hà Thị A có đăng ký thường trú tại địa chỉ nêu trên nhưng hiện nay không rõ đang sinh sống, làm việc ở đâu. Bà Hà Thị T (*là mẹ đẻ bà A*) cũng xác nhận bà A đi làm ăn xa, đã biết việc Ngân hàng V khởi kiện và có trao đổi về việc sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên bà A không cung cấp địa chỉ nơi cư trú hiện tại. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp của bà A được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện xin rút các yêu cầu khởi kiện là buộc bà Hà Thị A phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả đối với 03 khoản vay theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024 và trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Hà Thị A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[1.3] Bị đơn bà Hà Thị A đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Đối với các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng:

[2.1.1] Về hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024 giữa Ngân hàng V và bà Hà Thị A được ký kết trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các bên, bảo đảm điều kiện về chủ thể tham gia giao kết hợp đồng, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên các Hợp đồng tín dụng nêu trên đều hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia.

[2.1.2] Về nghĩa vụ trả nợ: Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hà Thị A đã thanh toán cho Ngân hàng các khoản tiền theo từng hợp đồng tín dụng và dư nợ tính đến ngày 27/8/2026 cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay theo Hợp đồng số LN2302248455238, bà A đã thanh toán tổng cộng 513.591.099 đồng, trong đó tiền gốc 264.363.000 đồng, tiền lãi 249.228.099 đồng. Tạm tính đến ngày 27/8/2026 dư nợ gốc là 504.637.000 đồng, lãi trong hạn 8.686.382 đồng và lãi quá hạn 84.787.311 đồng, tổng cộng 598.110.694 đồng.

- Đối với khoản vay theo Hợp đồng số LD2331300851 ngày 09/11/2023, bà A đã thanh toán 49.322.879 đồng, trong đó nợ gốc 29.058.291 đồng, nợ lãi 20.264.588 đồng. Tạm tính đến ngày 27/8/2026 dư nợ gốc là 18.941.709 đồng, lãi trong hạn 899.166 đồng, lãi quá hạn 5.419.638 đồng, tổng cộng 25.260.513 đồng.

- Đối với khoản vay theo Hợp đồng số LD2421501572 ngày 02/8/2024, V đã giải ngân 100.000.000 đồng cho bà A. Bà A đã thanh toán 64.985.436 đồng,

trong đó nợ gốc 36.957.140 đồng, nợ lãi 28.028.296 đồng. Tạm tính đến ngày 27/8/2026 dư nợ gốc là 63.042.860 đồng, lãi trong hạn 1.774.054 đồng, lãi quá hạn 16.211.428 đồng, tổng cộng 81.028.343 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hà Thị A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, làm phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên bị chuyển nợ quá hạn từ ngày 05/01/2026. Căn cứ theo Điều 6 Phần B của Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V và Điều 7 của Điều kiện giao dịch chung về cho vay từng lần không có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân vay vốn trên kênh VPBank Neo của V thì khoản nợ gốc đối với các hợp đồng cho vay số LN2302248455238, số LD2331300851, số LD2421501572 bị chuyển thành nợ quá hạn, phải chịu mức lãi suất bằng 150% của lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị A phải trả tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V, buộc bà Hà Thị A phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng cho vay đến ngày xét xử; đồng thời tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký kết kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.2] Về khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng:

Ngày 22/12/2022, bà Hà Thị A có văn bản đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Tại văn bản này, bà A cam kết đồng ý việc Ngân hàng V chủ động xem xét cấp hạn mức và phát hành thẻ tín dụng cho bà A. Cùng ngày, Ngân hàng V đã phát hành thẻ tín dụng loại thẻ Super Shopee Platinum cho bà A với hạn mức cấp dụng là 30.000.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Biểu lãi suất sửa đổi, bổ sung điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân dựa trên đánh giá hành vi rủi ro của chủ thẻ số 94-2024-BGA-TGĐ của Ngân hàng V, sản phẩm thẻ nêu trên có lãi suất hiện tại là 39,48%/năm, lãi suất thay đổi là 47,88%/năm, chênh lệch + biên độ 0,7%. Theo quy định tại Điều 6 Phần C của Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại V, trường hợp khoản nợ thẻ bị chuyển quá hạn thì chủ thẻ phải chịu lãi suất quá hạn bằng lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngoài ra, chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng khoản phí chậm trả theo quy định của ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật. Theo biểu phí thẻ tín dụng quốc tế, khối khách hàng cá nhân, phí trả chậm đối với loại thẻ Super Shopee Platinum là

5%/tháng (*tối thiểu 249.000đồng/tháng, tối đa là 999.000 đồng/tháng*).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà A đã thực hiện các giao dịch sử dụng thẻ nhưng không thanh toán đầy đủ số tiền đến hạn theo thỏa thuận, làm phát sinh nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí phạt chậm trả của các kỳ tháng tháng 12/2025, các tháng 01, 02, 03/2026. Tính đến ngày 27/8/2026, dư nợ đối với thẻ tín dụng của bà A gồm: nợ gốc: 20.610.283 đồng; nợ lãi: 20.682.603 đồng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn); phí chậm trả: 4 tháng x 249.000 đồng/tháng = 996.000 đồng; tổng: 42.288.886 đồng. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng V, buộc bà Hà Thị A có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí phạt chậm trả phát sinh từ việc sử dụng thẻ tín dụng mở ngày 22/12/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 27/8/2026. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bà Hà Thị A còn phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thẻ tín dụng theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[2.3] Đối với nghĩa vụ trả nợ của ông Vũ Văn C (*là chồng của bà Hà Thị A*):

Tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã G thể hiện bà Hà Thị A và ông Vũ Văn C đăng ký kết hôn ngày 09/7/2024. Các khoản vay theo Hợp đồng số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng số LD2331300851 ngày 09/11/2023 và khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng ngày 22/12/2022 đều được xác lập trước ngày bà A kết hôn với ông C. Do đó, đây là các giao dịch do bà Hà Thị A xác lập trước thời kỳ hôn nhân, nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các giao dịch này về thuộc trách nhiệm của bà A.

Đối với khoản vay theo Hợp đồng số LD2421501572 ngày 02/8/2024, được xác lập sau ngày bà A kết hôn với ông Vũ Văn C. Tuy nhiên, đây là khoản vay bằng hình thức online, bà Hà Thị A sử dụng tài khoản cá nhân để đăng ký vay tiền và nhận tiền vay trên ứng dụng V của Ngân hàng V. Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông Vũ Văn C cùng ký kết hợp đồng, cùng nhận nợ với Ngân hàng V; cũng không có tài liệu chứng minh khoản tiền vay được sử dụng để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc nhằm thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Mặt khác, Ngân hàng V cũng chỉ yêu cầu bà Hà Thị A thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ông Vũ Văn C phải trả nợ cùng bà A. Do vậy, trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của V và các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, có căn cứ xác định bà Hà Thị A có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng V.

[2.4] Về xử lý tài sản thế chấp:

[2.4.1] Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, bà Hà Thị A và Ngân hàng V đã ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2302248455238 ngày 28/02/2023 với N V. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, Territory T X, 1.5L, động cơ xăng, AT sản xuất mới 100%, biển kiểm soát 34A-637.82, số khung RL05DYD7MPKR41230, số máy NCG112383; Giấy chứng nhận đăng ký xe số

34000639 do Công an huyện N, tỉnh Hải Dương (*cũ*) cấp ngày 28/02/2023 mang tên Hà Thị Anh . Hợp đồng thế chấp được lập thành văn bản, các bên tự nguyện ký kết. Tại thời điểm xác lập hợp đồng thế chấp, bà Hà Thị A chưa kết hôn với ông Vũ Văn C. Hồ sơ vụ án không có tài liệu chứng minh chiếc xe là tài sản chung của bà A và ông C nên có cơ sở xác định tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp và là tài sản riêng của bà Hà Thị Anh . Như vậy, Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[2.4.2] Căn cứ theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp nêu trên bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt.... và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết giữa bà Hà Thị A và Ngân hàng V tại thời điểm trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng thế chấp. Do bà Hà Thị A vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay phát sinh từ các hợp đồng cho vay và khoản vay phát sinh từ thẻ tín dụng nên nếu bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp; các Điều 299, 317, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Nếu giá trị tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải thanh toán thì phần chênh lệch được trả cho bên thế chấp là bà Hà Thị Anh . Nếu giá trị tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì bà A phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng V.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp toàn bộ số tiền trên nên bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn 200.000 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hà Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; các Điều 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 117, 118, 119, 295, 299, 303, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 323, 327 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016;

Nghị quyết số 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V) về việc:

- Buộc bị đơn bà Hà Thị A phải thanh toán tiền lãi phạt chậm trả đối với 03 khoản vay theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của bà Hà Thị A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ.

2. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V):

2.1. Buộc bà Hà Thị A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền còn nợ theo các Hợp đồng cho vay số LN2302248455238 ngày 01/3/2023, Hợp đồng cho vay số LD2331300851 ngày 09/11/2023, Hợp đồng cho vay số LD2421501572 ngày 02/8/2024 tính đến ngày 27/8/2026, tổng là **704.399.548** đồng (*trong đó nợ gốc: 586.621.569 đồng; nợ lãi trong hạn: 11.359.602 đồng, nợ lãi quá hạn: 106.418.377 đồng*) và số tiền còn nợ đối với khoản nợ phát sinh từ thẻ tín dụng tính đến ngày 27/8/2026 là **42.288.886** đồng (*trong đó nợ gốc: 20.610.283 đồng, nợ lãi: 20.682.603 đồng, phí phạt chậm trả: 996.000 đồng*).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hà Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Hà Thị A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu tại mục 2.1 của Quyết định này thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2302248455238 ngày 28/02/2023 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford, Territory T X, 1.5L, động cơ xăng, AT sản xuất mới 100%, biển kiểm soát 34A-637.82, số khung RL05DYD7MPKR41230, số máy NCG112383; Giấy chứng nhận đăng ký xe số 34000639 do Công an huyện N, tỉnh Hải Dương (*cũ*) cấp ngày 28/02/2023 mang tên Hà Thị Anh .

2.4. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để trả khoản nợ thì bà Hà Thị A phải tiếp tục trả khoản tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại

cổ phần V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bà Hà Thị Anh .

3. Về chi phí tố tụng: Bà Hà Thị A phải hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí: Bà Hà Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.867.537 đồng (*Ba mươi ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng*). (*Bà Hà Thị A chưa nộp*).

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí (*do ông Vũ Xuân H đã nộp thay*) là 14.750.000 đồng *(Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0004112 do Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng phát hành ngày 10/4/2026.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 4, 6 và 7 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 13-Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 13-Hải Phòng;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- LưuVP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Xuân Hiền